

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2962 /UBND-PGDĐT

Sơn Trà, ngày 06 tháng 9 năm 2023

V/v mức giá dịch vụ các khoản thu năm
học 2023 -2024 của các trường học trên
địa bàn quận

Kính gửi: Các trường Mầm non công lập, Tiểu học, THCS
thuộc quận

Căn cứ Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 2369/SGDDĐT-KHTC ngày 11/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Sơn Trà tại Công văn số 998/PGDDĐT ngày 05/9/2023 và ý kiến của phòng Tài chính – Kế hoạch quận tại công văn số 1099/TCKH ngày 06/9/2023; Chủ tịch UBND quận Sơn Trà có ý kiến như sau:

1. Phê duyệt mức thu tối đa giá dịch vụ năm học 2023-2024 cho các trường theo phụ lục đính kèm. (Phụ lục 01 - Trường Mầm non công lập, phụ lục 02 – trường Tiểu học, phụ lục 03 – trường THCS).

2. Hiệu trưởng các trường ban hành Quyết định ban hành giá dịch vụ tại đơn vị theo mức thu cụ thể không vượt quá mức thu được phê duyệt tại điều 1 sau khi họp thống nhất với cha mẹ học sinh các lớp. Ra thông báo các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2023-2024 và gửi thông báo về phòng GDĐT quận và phòng TCKH quận trước khi triển khai thu tại đơn vị mình.

3. Các trường thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố và Công văn số 2810/UBND-PGDĐT ngày 24/8/2023 của UBND quận.

Chủ tịch UBND quận thông báo các trường mầm non công lập, tiểu học, THCS được biết và triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCKH quận;
- UBND các phường;
- Lưu: VT, PGDDĐT(V).



Hoàng Sơn Trà



PHỤ LỤC 01 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP

STT	Trường mầm non	Nội dung thu và mức thu tối đa								
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí)		Thuê người nấu ăn, quản lý buổi sáng, trưa (đồng/trẻ/tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Tổ chức bán trú mầm non thứ 7: 3 ngày/tháng (đồng/trẻ/tháng)	Hoạt động trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống, trẻ mầm non học 30 phút/buổi, 8 buổi/tháng		
		Ăn sáng (đồng/trẻ/ngày)	Ăn chính và xế (đồng/trẻ/ngày)		Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/trẻ/năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/trẻ/năm học)		Làm quen Tiếng Anh (đồng/trẻ/giờ)	Aerobic (đồng/trẻ/giờ)	Vẽ (đồng/trẻ/giờ)
1	Rạng Đông	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000
2	Vành Khuyên	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	
3	Hoàng Yến	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000
4	Họa My	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	
5	Bạch Yến	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000
6	Sơn Ca	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000
7	Hoàng Cúc	9.000	31.000	310.000	270.000	170.000	165.000	15.000	15.000	15.000
8	Hoàng Anh	9.000	31.000	310.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000



PHỤ LỤC 02 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

STT	Trường tiểu học	Nội dung thu và mức thu tối đa							
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí), (đồng/học sinh/ ngày)	Thuê người nấu ăn, quản lý buổi trưa (đồng/học sinh/ tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Vệ sinh trường học (đồng/học sinh/ năm học)	Quản lý học sinh tiểu học ngoài giờ, tối đa 2 tiết/buổi (đồng/học sinh/ tiết)	Học tiếng Anh với người nước ngoài, tối đa 8 tiết/tháng (đồng/ học sinh/ tiết)	Dạy bơi (đồng/ học sinh/ tiết)
				Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/học sinh/ năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/học sinh/ năm học)				
1	Nguyễn Phan Vinh	30.000	200.000	250.000	200.000	115.000			
2	Nguyễn Tri Phương	30.000	200.000	250.000	200.000	115.000	15.000	35.000	
3	Trần Quốc Toàn	30.000	200.000	250.000	200.000	115.000			
4	Quang Trung	30.000	200.000	250.000	200.000	110.000		35.000	
5	Lương Thế Vinh	30.000	200.000	280.000	200.000	115.000	15.000	35.000	45.000
6	Tiểu La	30.000	200.000	250.000	200.000	92.000	15.000		45.000
7	Tô Vĩnh Diện	30.000	200.000	250.000	200.000	115.000	15.000		45.000
8	Hai Bà Trưng	30.000	200.000	280.000	200.000	115.000	15.000	35.000	45.000
9	Ngô Mỹ	30.000	200.000	250.000	200.000	115.000	15.000	35.000	41.000
10	Nguyễn Thái Học	30.000	200.000	250.000	200.000	110.000		35.000	
11	Ngô Gia Tự	31.000	200.000	300.000	200.000	115.000	15.000		45.000
12	Chi Lăng	30.000	200.000	250.000	200.000	110.000	13.000		45.000



PHỤ LỤC 03 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THCS

STT	Trường THCS	Nội dung thu và mức thu tối đa	
		Vệ sinh trường học (đồng/học sinh/ năm học)	Dạy thêm học thêm các môn văn hóa (đồng/học sinh/ tiết)
1	Lý Tự Trọng	70.000	12.500
2	Hoàng Sa	80.000	12.500
3	Nguyễn Chí Thanh	70.000	11.000
4	Phạm Ngọc Thạch	55.000	11.000
5	Lê Độ	60.000	10.000
6	Cao Thắng	80.000	11.000
7	Phan Bội Châu	60.000	11.000
8	Nguyễn Văn Cừ	60.000	12.500

